

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

HỒ THỊ THU HÀ

**HẠN CHẾ RỦI RO TRONG DỊCH VỤ BẢO LÃNH
TRONG NƯỚC TẠI CHI NHÁNH NGÂN HÀNG
TMCP CÔNG THƯƠNG BÌNH ĐỊNH**

Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng

Mã số: 60.34.20

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2014

Công trình được hoàn thành tại

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: TS. HỒ HỮU TIẾN

- Phản biện 1 **TS. Đoàn Gia Dũng**
- Phản biện 2: **PGS. TS Hà Thanh Việt**

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại Học Đà Nẵng vào ngày 11 tháng 04 năm 2014

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin Học liệu - Đại Học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học kinh tế - Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Một đất nước muốn có một nền kinh tế phát triển phải có một hệ thống ngân hàng vững mạnh. Sự phá sản của một ngân hàng sẽ có hiệu ứng lây lan và phản ứng dây chuyền làm suy yếu hệ thống ngân hàng và làm suy thoái nền kinh tế ảnh hưởng tất cả mọi lĩnh vực kể cả đời sống xã hội. Ngân hàng hoạt động trong lĩnh vực tài chính gặp nhiều rủi ro do các dịch vụ nó cung cấp và các rủi ro vĩ mô, các rủi ro khác...

Bảo lãnh là một bộ phận quan trọng của hoạt động tín dụng, và thông thường mỗi hợp đồng bảo lãnh có một cam kết tài trợ rất lớn lại không có được chuẩn bị nguồn như các khoản tài trợ cho vay. Vì vậy nếu rủi ro bảo lãnh xảy ra, lại không có sự dự phòng sẽ gây ảnh hưởng lớn hơn cả rủi ro tín dụng và gây rủi ro thanh khoản dẫn đến mất khả năng thanh toán ngân hàng buộc phải đóng cửa và tuyên bố phá sản. Xuất phát từ đó mà nó đòi hỏi ngân hàng phải quản lý rủi ro bảo lãnh, làm hạn chế rủi ro và có biện pháp tài trợ khi rủi ro xảy ra. Chính vì lý do đó mà tôi đã chọn đề tài “Hạn chế rủi ro trong dịch vụ bảo lãnh trong nước tại Chi nhánh Ngân hàng TMCP Công thương Bình Định” để làm luận văn tốt nghiệp

2. Mục đích nghiên cứu

- Góp phần hệ thống hóa những vấn đề lý luận về hạn chế rủi ro trong dịch vụ bảo lãnh trong nước của NHTM

+ Phân tích, đánh giá thực trạng hạn chế rủi ro trong dịch vụ bảo lãnh trong nước tại Vietinbank Bình Định, nhận định những thành công, hạn chế cùng nguyên nhân.

+ Đề xuất các giải pháp nhằm hạn chế rủi ro trong dịch vụ bảo lãnh trong nước tại Vietinbank Bình Định.

3. Câu hỏi nghiên cứu

- Trong dịch vụ bảo lãnh trong nước, NHTM thường phải đối mặt với những loại rủi ro nào ?

- NHTM thường áp dụng những giải pháp gì để hạn chế rủi ro trong bảo lãnh trong nước ?

- Những tồn tại và nguyên nhân trong công tác hạn chế rủi ro trong bảo lãnh trong nước tại chi nhánh Vietinbank Bình Định ?

- Chi nhánh Vietinbank Bình Định cần làm gì để tăng cường hạn chế rủi ro trong dịch vụ bảo lãnh trong nước ?

4. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn hạn chế rủi ro trong dịch vụ bảo lãnh trong nước

5. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nội dung: Hạn chế rủi ro trong dịch vụ bảo lãnh trong nước

Phạm vi không gian: Nghiên cứu tại chi nhánh Vietinbank Bình Định

Phạm vi thời gian: Số liệu nghiên cứu thu thập từ năm 2010 đến năm 2012

6. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, hoàn thiện, luận văn dựa trên cơ sở vận dụng phương pháp luận duy vật biện chứng kết hợp với các phương pháp như:

- Phương pháp phân tích & tổng hợp; logic và lịch sử; quy nạp và diễn dịch,

- Phương pháp thống kê mô tả

- Phương pháp so sánh - đối chiếu

7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn

- Hệ thống hóa những lý luận cơ bản về hạn chế rủi ro trong dịch vụ bảo lãnh trong nước của NHTM.

- Phân tích, đánh giá thực trạng rủi ro trong dịch vụ bảo lãnh trong nước tại Vietinbank Bình Định.

- Đề xuất giải pháp nhằm tăng cường hạn chế rủi ro trong dịch vụ bảo lãnh trong nước tại Vietinbank Bình Định.

8. Kết cấu luận văn

Chương 1: Cơ sở lý luận về hạn chế rủi ro trong dịch vụ bảo lãnh trong nước của ngân hàng thương mại.

Chương 2: Thực trạng hạn chế rủi ro trong dịch vụ bảo lãnh trong nước tại Vietinbank Bình Định.

Chương 3: Giải pháp tăng cường hạn chế rủi ro trong dịch vụ bảo lãnh trong nước tại Vietinbank Bình Định.

9. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HẠN CHẾ RỦI RO TRONG DỊCH VỤ BẢO LÃNH TRONG NƯỚC CỦA NHTM

1.1. RỦI RO TRONG DỊCH VỤ BẢO LÃNH TRONG NƯỚC CỦA NHTM

1.1.1. Khái niệm NHTM

Ngân hàng thương mại là loại hình ngân hàng được thực hiện tất cả các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng nhằm mục tiêu lợi nhuận.

1.1.2. Dịch vụ bảo lãnh trong nước của NHTM

a. Khái niệm bảo lãnh trong nước của NHTM

Bảo lãnh ngân hàng là hình thức cấp tín dụng, theo đó bên bảo lãnh cam kết bằng văn bản với bên nhận bảo lãnh sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho bên được bảo lãnh khi bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với bên nhận bảo lãnh; bên được bảo lãnh phải nhận nợ và hoàn trả cho bên bảo lãnh theo thỏa thuận.

b. Đặc điểm bảo lãnh trong nước của NHTM

- Bảo lãnh là một cam kết mang tính chất bảo đảm gián tiếp
- Cam kết bảo lãnh ngân hàng phải được lập bằng văn bản.
- Khách hàng phải nhận nợ và hoàn trả cho bên bảo lãnh số tiền đã trả thay.

- Tính độc lập tương đối trong nghiệp vụ bảo lãnh

c. Phân loại bảo lãnh trong nước của NHTM:

- Phân loại bảo lãnh căn cứ vào phương thức phát hành bảo lãnh.

- Phân loại dựa trên mục đích bảo lãnh thụ hưởng

1.1.3. Rủi ro trong dịch vụ bảo lãnh trong nước của NHTM

a. Khái niệm rủi ro

Quan niệm chung nhất về rủi ro đó là những biến cố xảy ra ngoài ý muốn của con người và gây ra bất lợi cho con người.

b. Các loại rủi ro

**** Rủi ro tín dụng***

Trong bảo lãnh ngân hàng, tuy không phát tiền vay nhưng về thực chất mức độ trách nhiệm, nghĩa vụ ngân hàng trong nghiệp vụ này cũng tương đương như nghiệp vụ tín dụng. Hoạt động bảo lãnh bảo đảm hoàn trả vốn vay đặt ngân hàng trước cùng một rủi ro như rủi ro của các món cho vay trực tiếp.

**** Rủi ro tác nghiệp***

Rủi ro tác nghiệp là khả năng xảy ra tổn thất trực tiếp hoặc gián tiếp do con người (cẩu thả hoặc gian lận), sự yếu kém trong hệ thống công nghệ, thông tin, sự sơ hở yếu kém trong các quy định, quy trình, hệ thống không đầy đủ hoặc không hoạt động, hoặc do các sự kiện bên ngoài gây ra.

**** Rủi ro về lãi suất***

Quá trình chuyển hóa tài sản của ngân hàng bao gồm việc huy động vốn và sử dụng vốn. Kỳ hạn và độ thanh khoản của các tài sản nợ thường không cân xứng với kỳ hạn và độ thanh khoản của các tài sản có làm cho ngân hàng phải chịu rủi ro về lãi suất.

c. Đặc điểm rủi ro trong dịch vụ bảo lãnh trong nước

**** Rủi ro mang tính khách quan***

**** Tính bất ngờ xảy ra của rủi ro***

**** Mọi quan hệ giữa rủi ro và sinh lợi là mối quan hệ tỷ lệ thuận, có nghĩa là rủi ro càng cao thì lợi nhuận kỳ vọng càng lớn.***

- * Tồn thất rất lớn khi rủi ro bảo lãnh xảy ra
- * Rủi ro bảo lãnh rất phức tạp.
- * Tồn thất rủi ro nhiều nấc.

d. Nguyên nhân

- * Nguyên nhân từ phía ngân hàng
- * Nguyên nhân từ phía người được bảo lãnh.
- * Nguyên nhân từ phía người nhận bảo lãnh.
- * Nguyên nhân từ môi trường pháp luật.
- * Nguyên nhân khác.

e. Hậu quả

Nhưng sau khi đã tài trợ, nếu rủi ro xảy ra gây tồn thất thì mối quan hệ này lại là tồn thất càng cao thì thu nhập của ngân hàng càng giảm sút. Thu nhập ngân hàng giảm sẽ làm giảm tỷ suất lợi nhuận của ngân hàng và giá cổ phiếu của ngân hàng. Khi giá cổ phiếu ngày càng giảm nếu không kịp thời điều chỉnh dẫn đến sự bán hàng loạt cổ phiếu, là điểm mở đầu của quá trình mua lại, sáp nhập, hoặc thay thế ban quản lý ngân hàng. Thậm chí tồn thất đó gây hiệu ứng dẫn đến phá sản ngân hàng.

1.2. HẠN CHẾ RỦI RO TRONG DỊCH VỤ BẢO LÃNH TRONG NƯỚC CỦA NHTM

1.2.1 Quan niệm và nội dung hạn chế rủi ro trong dịch vụ bảo lãnh trong nước

- * *Nội dung hạn chế rủi ro trong bảo lãnh trong nước*

a. Đối với rủi ro tín dụng

- Phòng ngừa

+ Xây dựng một chính sách bảo lãnh hợp lý: điều tra phân loại và lựa chọn khách hàng, quy định về giới hạn bảo lãnh cho vay, tài sản bảo đảm.

+ Quy định và kiểm soát quy trình bảo lãnh: Xây dựng quy trình bảo lãnh khoa học, dự báo các rủi ro bảo lãnh.

- Xử lý

+ Cho vay duy trì hoạt động

+ Bổ sung TSBĐ

+ Cơ cấu lại thời hạn trả nợ

+ Khoanh nợ

+ Phạt quá hạn và chuyển nhóm nợ phù hợp

+Xử lý TSBĐ

+Giảm miễn lãi

+ Bán nợ

+ Khởi kiện

+ Yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp

+ Đề nghị Nhà nước, Chính phủ cấp nguồn xử lý hoặc xóa nợ

+ Xử lý rủi ro

+ Chuyển nợ thành vốn góp

b. Đối với rủi ro tác nghiệp

- Nhận diện rủi ro tác nghiệp

+ Nhóm dấu hiệu rủi ro liên quan đến chính sách, quy định nội bộ.

+ Nhóm dấu hiệu rủi ro liên quan đến gian lận nội bộ

+ Nhóm dấu hiệu rủi ro liên quan đến gian lận bên ngoài

+ Nhóm dấu hiệu rủi ro liên quan đến quá trình xử lý công việc.

+ Nhóm dấu hiệu rủi ro liên quan đến hệ thống công nghệ thông tin.

- Phòng ngừa

+ Xây dựng chiến lược, mục tiêu, quy chế Quản lý rủi ro tác nghiệp.

+ Xây dựng các quy định cụ thể, quy trình nghiệp vụ về quản lý rủi ro tác nghiệp.

- Các biện pháp hạn chế rủi ro tác nghiệp

+ Đối với rủi ro có thể chấp nhận được: Đưa ra các biện pháp để giảm thiểu rủi ro và không để vượt quá giới hạn cho phép

+ Đối với rủi ro không thể chấp nhận được: Đưa ra các biện pháp phòng ngừa giảm thiểu rủi ro.

1.2.2. Các chỉ tiêu phản ánh kết quả hạn chế rủi ro trong dịch vụ bảo lãnh trong nước

a. Chỉ tiêu hạn chế rủi ro tín dụng

a.1. Mức giảm tỷ lệ doanh số bảo lãnh ngân hàng phải trả.

a.2 Chỉ tiêu mức giảm tỷ lệ dư nợ bảo lãnh quá hạn.

a.3. Chỉ tiêu mức giảm tỷ lệ dư nợ xấu (nghiệp vụ bảo lãnh).

a.4. Chỉ tiêu mức giảm tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro (nghiệp vụ bảo lãnh).

a.5. Chỉ tiêu mức tăng tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn thu hồi được.

b. Chỉ tiêu hạn chế rủi ro tác nghiệp

b.1 Chỉ tiêu mức giảm tỷ lệ rủi ro tác nghiệp do gian lận trong nghiệp vụ bảo lãnh.

b.2 Chỉ tiêu mức giảm tỷ lệ lỗi rủi ro tác nghiệp do tác nghiệp của cán bộ trong nghiệp vụ bảo lãnh.

b.3. Chỉ tiêu mức giảm tỷ lệ rủi ro tác nghiệp trong nghiệp vụ bảo lãnh.

c. Mức giảm thiệt hại tổn thất do rủi ro dịch vụ bảo lãnh trong nước

1.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng hoạt động hạn chế rủi ro trong dịch vụ bảo lãnh trong nước

a. Nhân tố bên trong

- * Quy mô bảo lãnh trong nước
- * Chính sách hạn chế rủi ro của ngân hàng
- * Con người
- * Công nghệ

b. Nhân tố bên ngoài

- * Môi trường pháp lý
- * Chính sách liên quan của Nhà nước
- * Môi trường kinh tế xã hội
- * Bên được bảo lãnh
- * Bên thụ hưởng bảo lãnh
- * Sự cạnh tranh trong dịch vụ bảo lãnh giữa các ngân hàng

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG HẠN CHẾ RỦI RO TRONG DỊCH VỤ BẢO LÃNH TRONG NƯỚC TẠI VIETINBANK BÌNH ĐỊNH

2.1. GIỚI THIỆU VỀ VIETINBANK BÌNH ĐỊNH

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển Vietinbank Bình Định

2.1.2. Cơ cấu tổ chức quản lý của Vietinbank Bình Định

2.1.3. Môi trường kinh doanh

a. Khái quát chung về tỉnh Bình Định

b. Về môi trường hoạt động kinh doanh ngân hàng và vị thế của Vietinbank Bình Định

Hoạt động kinh doanh Ngân hàng trên địa bàn tỉnh Bình Định khá sôi động và có tính cạnh tranh rất cao. Mạng lưới các TCTD trên

địa bàn được bố trí rộng khắp trong toàn thành phố, huyện, thị trấn của tỉnh Bình Định, tính đến nay trên địa bàn tỉnh Bình Định đã có 26 Chi nhánh cấp 1 bao gồm: 07 Chi nhánh NHTM nhà nước, 18 Chi nhánh NHTM cổ phần, 01 Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội, 12 Chi nhánh cấp huyện, thành phố, trên 100 Phòng giao dịch và 4 Quỹ tiết kiệm, tạo nên áp lực cạnh tranh rất khốc liệt trên địa bàn.

2.1.4. Kết quả hoạt động kinh doanh

a. Tình hình huy động vốn tại Vietinbank Bình Định

Bảng 2.1. Tình hình huy động vốn tại Vietinbank Bình Định từ năm 2010-2012

Đơn vị: Trđ

| Chỉ tiêu | Năm 2010 | Năm 2011 | Năm 2012 |
|---|-----------|-----------|-----------|
| Vốn huy động (1) | 751.652 | 1.048.175 | 1.177.076 |
| Mức tăng tuyệt đối | | 296.523 | 128.901 |
| Tốc độ tăng so với năm trước (%) | | 39 | 12 |
| Tổng nguồn vốn (2) | 1.885.750 | 1.870.676 | 1.705.308 |
| Tỷ trọng VHĐ trong tổng nguồn (%) (1):(2) | 40 | 56 | 69 |

(Nguồn báo cáo: Vietinbank Bình Định)

b. Tình hình cho vay

c. Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 2.3. Kết quả hoạt động kinh doanh của Vietinbank Bình Định từ năm 2010 đến năm 2012

Đơn vị: Trđ

| Chỉ tiêu | Năm 2010 | Năm 2011 | Năm 2012 |
|----------------------------------|----------|----------|----------|
| Tổng thu | 211.280 | 504.202 | 428.653 |
| Mức tăng tuyệt đối | | 292.922 | -75.549 |
| Tốc độ tăng so với năm trước (%) | | 139 | -15 |
| Tổng chi | 187.771 | 476.348 | 404.020 |
| Mức tăng tuyệt đối | | 288.577 | -72.328 |
| Tốc độ tăng so với năm trước (%) | | 154 | -15 |
| Lợi nhuận trước thuế | 23.509 | 27.854 | 24.633 |

(Nguồn báo cáo: Vietinbank Bình Định)

2.2. THỰC TRẠNG HẠN CHẾ RỦI RO TRONG DỊCH VỤ BẢO LÃNH TRONG NƯỚC CỦA CHI NHÁNH

2.2.1. Thực trạng hoạt động bảo lãnh trong nước của chi nhánh

a. Chính sách bảo lãnh trong nước

Chi nhánh Ngân hàng TMCP Công thương Bình Định đang thực hiện cấp bảo lãnh cho khách hàng theo Quyết định số 1695/2012QĐ-HĐQT-NHCT35 ngày 17/11/2012. Theo đó:

- * Đối tượng được ngân hàng bảo lãnh
- * Phạm vi bảo lãnh
- * Điều kiện cấp bảo lãnh

- * Mức cấp bảo lãnh
- * Thời hạn bảo lãnh
- * Phân vùng đầu tư
- * Mức phí
- * Bảo đảm

b. Các sản phẩm bảo lãnh tại Vietinbank Bình Định

- Bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước
- Bảo lãnh thanh toán
- Bảo lãnh dự thầu
- Bảo lãnh thực hiện hợp đồng
- Bảo lãnh bảo hành

c. Kết quả hoạt động dịch vụ bảo lãnh trong nước của chi nhánh

Bảng 2.4. Tình hình hoạt động bảo lãnh trong nước của Vietinbank Bình Định qua các năm 2010-2012

Đơn vị: Trđ

| Chỉ tiêu | Năm 2010 | Năm 2011 | Năm 2012 |
|----------------------------------|-------------|-------------|-------------|
| Doanh số bảo lãnh phát hành | 25.503 | 27.031 | 28.251 |
| Doanh số bảo lãnh giải tỏa | 16.231 | 20.404 | 31.878 |
| Số dư bảo lãnh | 38.031 | 44.658 | 41.031 |
| Mức tăng tuyệt đối | | 6.627 | -3.627 |
| Tốc độ tăng so với năm trước (%) | | 17 | -8 |
| Số lượng khách hàng | 25 | 28 | 26 |
| Số lượng hợp đồng | 152 | 187 | 169 |

(Nguồn báo cáo: Vietinbank Bình Định)

2.2.2. Các biện pháp mà chi nhánh thực hiện để hạn chế rủi ro trong dịch vụ bảo lãnh trong nước

a. Chính sách về hạn chế rủi ro bảo lãnh

Không tập trung cấp bảo lãnh quá cao cho 1 khách hàng, 1 ngành nghề/lĩnh vực, các nhóm khách hàng, ngành/ngành nghề lĩnh vực có liên quan với nhau.

Về thẩm quyền phê duyệt: Giám đốc được quyết định các khoản bảo lãnh có giá trị từ 1 tỷ trở xuống, Hội đồng tín dụng được quyết định các khoản bảo lãnh 70% đến 100% mức ủy quyền của Vietinbank cấp cho chi nhánh. Trong các năm 2011-2012 Chi nhánh không cấp bảo lãnh vượt mức ủy quyền phán quyết.

b. Thực hiện quy trình cấp bảo lãnh chặt chẽ khoa học hợp lý

Đối với các khoản bảo lãnh vượt mức ủy quyền của chi nhánh (trên 1 tỷ đồng). Phòng khách hàng/Phòng giao dịch tiếp nhận hồ sơ bảo lãnh của khách hàng, đề xuất bảo lãnh đối với khách hàng. Phòng đánh giá xếp hạng Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam thực hiện thẩm định độc lập đối với các hồ sơ bảo lãnh, sau đó bộ phận tài trợ thương mại phát hành thư bảo lãnh trên chương trình Trade Finance.

Đối với các khoản bảo lãnh thuộc mức ủy quyền của chi nhánh, Phòng khách hàng/Phòng giao dịch tiếp nhận hồ sơ bảo lãnh của khách hàng, đề xuất và thẩm định hồ sơ khoản bảo lãnh đối với khách hàng. sau đó bộ phận tài trợ thương mại phát hành thư bảo lãnh trên chương trình Trade Finance.

c. Thực hiện công tác xếp hạng tín dụng nội bộ

Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ là một cấu phần quan trọng và là một công cụ đắc lực trong quản trị kinh doanh ngân hàng nói

chung và hạn chế rủi ro tín dụng nói riêng. Kết quả chấm điểm và xếp hạng được sử dụng để:

- Làm căn cứ ra quyết định và duy trì giới hạn tín dụng cho khách hàng.

- Làm căn cứ để phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của NHNN và NHCT.

- Hỗ trợ xây dựng chính sách khách hàng và ứng xử tín dụng với khách hàng.

- Hỗ trợ định giá khoản tín dụng.

Quy trình Xếp hạng tín dụng nội bộ tại Vietinbank gồm các bước sau:

Bước 1: Thu thập thông tin.

Bước 2: Xác định, phân loại ngành nghề/ lĩnh vực sản xuất kinh doanh.

Bước 3: Chấm điểm và xác định quy mô

Bước 4: Chấm điểm và xếp hạng các chỉ số tài chính

Bước 5: Chấm điểm các tiêu chí phi tài chính

Bước 6: Tổng hợp điểm và xếp hạng

Bước 7: Đánh giá rủi ro theo kết quả xếp hạng

Bước 8: Trình phê duyệt kết quả chấm điểm tín dụng và xếp hạng khách hàng.

d. Nâng cao chất lượng thẩm định

✓ Mặc dù hiện tại, rủi ro hoạt động bảo lãnh của ngân hàng bằng không, song hoạt động này vẫn tiềm ẩn rủi ro trong tương lai. Hiện nay việc thẩm định chỉ mang tính hình thức, các thông tin hầu như chỉ một chiều do khách hàng cung cấp, cán bộ hầu hết tập trung vào việc sự vụ do giấy tờ mẫu biểu nhiều. Trong công tác thẩm định cán bộ chưa phối hợp với các cơ quan ban ngành như cơ quan Thuế,

Sở Kế hoạch và đầu tư,... để nắm bắt kịp thời , chính xác nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định cấp bảo lãnh.

✓ Bố trí cán bộ chuyên trách, có năng lực và trình độ đáp ứng được yêu cầu công việc của nghiệp vụ bảo lãnh, hạn chế những sai sót trong quá trình tác nghiệp.

e. Trích lập và sử dụng quỹ dự phòng rủi ro

Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, Vietinbank Bình Định thực hiện theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN của NHNN ngày 22/04/2005 về việc phân loại nợ và trích lập dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng.

f. Công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ

Mỗi một khu vực khoảng 4-5 chi nhánh có 1 phòng kiểm tra kiểm soát nội bộ, phòng này hoạt động độc lập, chức năng nhiệm vụ của phòng này là công cụ theo dõi, giám sát nằm trong hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

g. Kiểm soát rủi ro tác nghiệp

Chi nhánh thường xuyên:

- Theo dõi các hoạt động triển khai công tác quản lý rủi ro tác nghiệp. Bố trí cán bộ quản lý rủi ro tác nghiệp có đủ năng lực, thẩm quyền và thời gian tương xứng để thực hiện nhiệm vụ quản lý rủi ro tác nghiệp, thực hiện khai báo quy trình xử lý công việc, xác định rủi ro và biện pháp kiểm soát rủi ro; khai báo sự cố rủi ro và tổn thất, khai báo thông tin thu hồi tổn thất, thực hiện đánh giá rủi ro và hiệu quả kiểm soát rủi ro, theo dõi và cập nhật thông tin khai báo trực tiếp vào hệ thống OpRiskMonitor (Hệ thống giám sát rủi ro tác nghiệp của Ngân hàng Công thương)

2.2.3. Kết quả hạn chế rủi ro trong dịch vụ bảo lãnh trong nước của chi nhánh

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG HẠN CHẾ RỦI RO TRONG DỊCH VỤ BẢO LÃNH TRONG NƯỚC CỦA CHI NHÁNH

2.3.1. Thành công và nguyên nhân

Trong những năm gần đây, Vietinbank Bình Định quản lý rủi ro chặt chẽ hơn và đạt được những thành tựu đáng khích lệ, Chi nhánh hầu như không phải thực hiện các cam kết bảo lãnh mà Chi nhánh phát hành. Việc không để phát sinh rủi ro trong dịch vụ bảo lãnh là do chi nhánh thực hiện tốt quy trình bảo lãnh và các chính sách hạn chế rủi ro bảo lãnh mà NHCT đưa ra. Mặt khác việc xây dựng một chính sách quá chặt, sẽ không mở rộng được quy mô bảo lãnh, chỉ tập trung ở một số khách hàng truyền thống, điều này giảm thiểu rủi ro ngân hàng và đáp ứng được mục tiêu an toàn nhưng hạn chế khả năng mở rộng và phát triển khách hàng. Vì vậy số dư bảo lãnh của chi nhánh hầu như không tăng qua các năm thậm chí còn giảm. Cụ thể số dư bảo lãnh năm 2010 là: 38.031 triệu đồng, năm 2011 là: 44.658 triệu đồng, năm 2012 là 41.031 triệu đồng.

Tại chi nhánh có một đội ngũ cán bộ cán bộ quản lý có kinh nghiệm lâu năm trong ngành tài chính ngân hàng cũng như trong các lĩnh vực khác, có mối quan hệ rộng rãi với nhiều đối tác. Ngoài ra, chi nhánh luôn hướng tới đào tạo và tuyển dụng cán bộ trẻ, khỏe, năng động. Riêng đối với nghiệp vụ bảo lãnh ngân hàng, hàng năm hệ thống đều tổ chức các lớp đào tạo nghiệp vụ, giới thiệu về quy trình bảo lãnh, những rủi ro có thể xảy ra khi ngân hàng thực hiện nghiệp vụ bảo lãnh để nhân viên có thể thực hiện tốt nghiệp vụ bảo lãnh, hạn chế những rủi ro có thể xảy ra..

Hệ thống chấm điểm xếp hạng tín dụng đối với khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp đã được Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam hoàn thiện trên hệ thống Branch Delivery System (BDS) và đưa vào áp dụng.

Chi nhánh đã luôn theo dõi bám sát diễn biến của tình hình kinh tế và thế giới và trong nước, thực hiện các văn bản chỉ đạo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam về việc mở rộng hoặc hạn chế tín dụng đối với nhóm khách hàng, ngành hàng trong từng thời kỳ, kịp thời đề ra những chủ trương, chính sách hợp lý, để ứng phó với sự phát triển tình hình chung của nền kinh tế, giúp cho ngân hàng tránh những tổn thất và rủi ro tạo điều kiện cho ngân hàng phát triển ổn định và bền vững, khẳng định thương hiệu ngân hàng hàng đầu Việt Nam

2.3.2. Tồn tại và nguyên nhân trong hạn chế rủi ro hoạt động bảo lãnh trong nước

a. Tồn tại

- Việc đánh giá mức độ rủi ro của một khoản bảo lãnh còn chưa thực sự đầy đủ và rõ ràng, phụ thuộc nhiều vào trình độ hiểu biết kinh nghiệm của nhân viên tín dụng và nhân viên thẩm định.

- Các ngành nghề các khách hàng vay là rất đa dạng, cán bộ ngân hàng không thể có đầy đủ thông tin cũng như hiểu biết về các ngành nghề lĩnh vực mà khách hàng đang đầu tư kinh doanh. Nên việc thẩm định cấp bảo lãnh cho khách hàng, cán bộ thực hiện chưa chính xác khả năng thực hiện phương án của khách hàng cũng như tính khả thi của phương án

- Mô hình tín dụng mới việc thẩm định hồ sơ cấp bảo lãnh phải chuyển về phòng đánh giá xếp hạng tại trụ sở chính. Công tác chuyển đổi trên về lý thuyết mang tính tích cực, nhưng thực tế việc

chuyển hồ sơ cấp bảo lãnh về trụ sở chính phê duyệt chỉ mang tính hình thức, cán bộ thẩm định tại phòng này hầu hết mới tuyển dụng, chưa có kinh nghiệm và chỉ làm rập khuôn, không hiểu biết tình hình thực tế của khách hàng, chỉ thẩm định trên số liệu của chi nhánh đưa lên, thời gian thẩm định kéo dài, làm chi nhánh mất đi một số khách hàng tốt...

- Về công tác theo dõi giám sát thực hiện hợp đồng bảo lãnh chưa thực sự được coi trọng.

- Công tác đào tạo cán bộ tuy có thường xuyên tổ chức, nhưng mang tính hình thức.

- Chưa bố trí cán bộ chuyên trách về bảo lãnh

- Vẫn xảy ra tình trạng lỗi của nhân viên ngân hàng khi xử lý hồ sơ bảo lãnh như ghi sai nội dung, sai giá trị, nhầm tài khoản,..

- Thiếu sự phối hợp chặt chẽ với cơ quan thực thi pháp luật.

b. Nguyên nhân

Về phía ngân hàng

Trong hoạt động bảo lãnh, tuy phần đông nhân viên tác nghiệp được đào tạo và có trình độ, nhưng thường thiếu kiến thức chuyên sâu về pháp luật. Trong quá trình thẩm định cấp bảo lãnh, rủi ro phát sinh phần lớn là do thiếu thông tin khi thẩm định và khi ra quyết định cho vay, từ đó dẫn đến những quyết định cấp bảo lãnh sai lầm.

Mặc dù Vietinbank có quy định rõ về việc kiểm tra giám sát thực hiện hợp đồng bảo lãnh, việc tuân thủ chỉ mang tính hình thức, đối phó bằng cách gửi biên bản kiểm tra cho khách hàng ký mà thực tế không kiểm tra.

Việc liên tục ra quá nhiều văn bản chồng chéo nhau, văn bản mới ra đã có bản sửa đổi, khối lượng văn bản quá nhiều, cán bộ chưa hệ thống được văn bản nào còn hiệu lực.

Về phía khách hàng

* Đối với khách hàng doanh nghiệp, một thực trạng chung hiện nay ở Việt Nam là rất nhiều doanh nghiệp không tuân thủ nghiêm chế độ báo cáo tài chính hoặc bản thân họ chưa nhận thấy tầm quan trọng và ý nghĩa của việc lập báo cáo tài chính một cách bài bản. Hiện nay rất ít doanh nghiệp thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính. Do vậy, ngân hàng khó phát hiện những sai sót trong việc chấp hành chế độ kế toán của các doanh nghiệp này, dẫn đến thông tin sử dụng phân tích khách hàng không chính xác.

* Đối với khách hàng cá nhân, tâm lý người Việt Nam là không muốn công khai thông tin cá nhân, do vậy việc thu thập thông tin cá nhân cũng rất khó khăn cho ngân hàng.

* Do năng lực tài chính chính của khách hàng yếu kém: quy mô tài sản và nguồn vốn nhỏ, tỷ lệ nợ so với vốn tự có cao là đặc điểm chung của các doanh nghiệp Việt Nam. Cho nên mọi thua lỗ và rủi ro của khách hàng trong việc thực hiện các phương án do ngân hàng bảo lãnh sẽ rất lớn.

CHƯƠNG 3
GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HẠN CHẾ RỦI RO TRONG
DỊCH VỤ BẢO LÃNH TRONG NƯỚC TẠI VIETINBANK
BÌNH ĐỊNH

3.1. ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU HẠN CHẾ RỦI RO TRONG DỊCH VỤ BẢO LÃNH TRONG NƯỚC CỦA CHI NHÁNH.

3.1.1. Định hướng phát triển của Vietinbank Bình Định

3.1.2. Định hướng và mục tiêu hạn chế rủi ro trong dịch vụ bảo lãnh trong nước của chi nhánh

Phát triển dịch vụ bảo lãnh trong thời gian tới trên cơ sở thận trọng, tăng trưởng ổn định, an toàn và hiệu quả.

3.2. GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HẠN CHẾ RỦI RO TRONG DỊCH VỤ BẢO LÃNH TRONG NƯỚC CỦA CHI NHÁNH.

3.2.1. Tiếp tục hoàn thiện việc chuyển đổi mô hình quản trị rủi ro hoạt động bảo lãnh

Hiện nay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đã hoàn thiện mô hình quản trị rủi ro bảo lãnh giai đoạn 2.

Mô hình mới này, phòng khách hàng tại chi nhánh tập trung vào công việc tiếp thị, cung cấp sản phẩm, dịch vụ, chăm sóc khách hàng, toàn bộ hồ sơ chuyển về thẩm định tại phòng Quản lý Rủi ro tại Hội sở chính, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Trên cơ sở đó kịp thời có các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm hướng tới mục tiêu phục vụ tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

3.2.2. Nâng cao chất lượng thẩm định và đảm bảo thực hiện quy trình bảo lãnh chặt chẽ

a. Tăng cường thu thập và khai thác tốt thông tin khách hàng

Để hạn chế rủi ro trong dịch vụ bảo lãnh, ngân hàng phải thu thập đầy đủ thông tin về khách hàng để xem xét quyết định cấp bảo lãnh và kiểm tra giám sát sau khi cấp bảo lãnh như: hồ sơ pháp lý, tình hình tài chính, phương án đề nghị cấp bảo lãnh, tài sản bảo đảm, khả năng thực hiện phương án...

b. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định trong hoạt động bảo lãnh.

Để nâng cao chất lượng thẩm định, chất lượng bảo lãnh, hạn chế thấp nhất những rủi ro có thể xảy ra, đòi hỏi cán bộ thẩm định phải tinh thông nghiệp vụ, hiểu biết pháp luật, nắm bắt kịp thời nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của đất nước, của từng địa phương trong từng thời kỳ, các thông tin dự báo, thông tin kỹ thuật, thị trường và khả năng phân tích tài chính đối với từng loại hình doanh nghiệp.

c. Chú trọng theo dõi giám sát quá trình thực hiện hợp đồng bảo lãnh

Ngân hàng bảo lãnh phải có quyền và nghĩa vụ kiểm tra, theo dõi, giám sát quá trình thực hiện nghĩa vụ được bảo lãnh của Bên được bảo lãnh, đôn đốc khách hàng thực hiện đúng nghĩa vụ đã cam kết với bên nhận bảo lãnh, hạn chế việc phải trả thay bảo lãnh.

d. Bố trí cán bộ chuyên trách về bảo lãnh

Không để cán bộ phòng khách hàng doanh nghiệp phải kiêm nhiệm cả phần nghiệp vụ bảo lãnh, làm tăng rủi ro trong tác nghiệp, tăng áp lực cho nhân viên và giảm hiệu quả công việc.

e. Nâng cao chất lượng kiểm tra, giám sát khoản bảo lãnh

Cần phải thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động bảo lãnh

thường xuyên, kiểm tra việc chấp hành các quy chế, quy trình bảo lãnh, phát hiện các sai sót trong xử lý quy trình nghiệp vụ từ đó kịp thời có những điều chỉnh cho phù hợp nhằm hạn chế những rủi ro có thể xảy ra. Trong quá trình kiểm tra, có thể kết hợp hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ

3.2.3. Thực hiện tốt việc cập nhật và quản lý thông tin khoản bảo lãnh trên hệ thống dữ liệu

Để hạn chế rủi ro, tất cả các thư bảo lãnh phải được phát hành và quản lý trong phân hệ tài trợ thương mại. Việc phát hành thư bảo lãnh, khi truyền qua mạng, chỉ truyền một lần duy nhất; nếu phải in ra giấy để phát hành thư bảo lãnh thì chỉ in ra một bản gốc duy nhất, trên mẫu giấy đặc biệt (có số serial và được quản lý như ấn chỉ quan trọng) tránh bị lợi dụng thành nhiều thư bảo lãnh song hành.

3.2.4. Hạn chế việc quan trọng hóa tài sản đảm bảo, quan tâm hơn nữa việc sử dụng công cụ bảo hiểm

Khi giải quyết hồ sơ bảo lãnh, tài sản thế chấp là điều kiện cần phải có, nhưng thực tế đã có trường hợp do quan điểm sai lầm của một số cán bộ ngân hàng là đã xem TSĐB là nguồn thu nợ chính yếu khi có rủi ro bảo lãnh xảy ra, nên khi thẩm định phương án bảo lãnh đã không chú trọng đến tính khả thi của việc thực hiện phương án. Vì vậy khi có rủi ro xảy ra, thời gian chờ xử lý TSĐB để thu hồi nợ kéo dài.

3.2.5. Nâng cao năng lực và chất lượng kiểm tra của bộ phận kiểm tra kiểm soát nội bộ

3.2.6. Phối hợp chặt chẽ với cơ quan thực thi pháp luật

3.2.7. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

3.3. KIẾN NGHỊ

3.3.1. Đối với Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước

- a. Duy trì sự ổn định kinh tế vĩ mô*
- b. Hoàn thiện môi trường pháp lý*
- c. Sự thay đổi các chính sách của Nhà nước cần được công bố rõ ràng và có thời gian cần thiết để chuyển đổi*
- d. Xây dựng, hiện đại hơn nữa hệ thống thông tin quốc gia công khai*
- e. Nâng cao chất lượng hoạt động của trung tâm thông tin tín dụng*
- f. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm soát*
- g. NHNN cần có cơ chế cho NHTM có quyền chủ động trong xử lý phát mãi tài sản thu hồi nợ*
- h. NHNN cần chống sự cạnh tranh kém lành mạnh giữa các ngân hàng thương mại*

3.3.2. Đối với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

- a. Thiết lập quan hệ với văn phòng luật sư*
- b. Nâng cao kỹ năng nghiệp vụ bảo lãnh bằng chiến lược đào tạo cơ bản toàn diện.*
- c. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ*
- d. Bảo hiểm khoản bảo lãnh*

KẾT LUẬN

Dịch vụ bảo lãnh của ngân hàng thương mại là một dịch vụ đặc biệt. Rủi ro bảo lãnh gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng và có nguy cơ lây lan ảnh hưởng đến đời sống kinh tế xã hội. Công tác hạn chế rủi ro bảo lãnh nằm trong công tác quản lý rủi ro tín dụng và là một nội dung quan trọng trong công tác quản trị của ngân hàng.